TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 01/2023/DS-ST
Ngày 11 tháng 01 năm 2023
V/v *"Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đời
Ông Nguyễn Kim Thành

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng: Bà Trần Thị Hương Thu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2022 về *"Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2022/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 129/2022/QĐST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S**; địa chỉ: 266 -268 đường N, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức T - Chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn H, chức vụ: Phó giám đốc chi nhánh Sông Hàn và ông Trương Đình V, chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ chi nhánh Sông Hàn theo Quyết định uỷ quyền số 3270/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022 của Tổng Giám đốc, Giấy uỷ quyền số 534/2022/QUQ-CNSH ngày 30/12/2022 và Giấy uỷ quyền số 537/2022/QUQ-CNSH ngày 30/12/2022 của Giám đốc chi nhánh Sông Hàn. Có mặt.

- Bị đơn: Bà **Lê Thị Thùy L**, sinh năm: 1985, địa chỉ: 11 đường N, phường T, quận S, thành Phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đại diện Ngân hàng TMCP S trình bày:

Vào ngày 29/12/2017 bà Lê Thị Thùy L có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà L, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với mức hạn sử dụng là 50.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền: 163.815.792 đồng. Lãi suất áp dụng 2,15%/tháng, kể từ ngày 15/09/2019 lãi suất 2,6%/tháng (lãi suất trong hạn) và được Sacombank quyết định điều chỉnh phù hợp với quy định Ngân hàng Nhà nước về lãi suất cho vay.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền: 170.371.000 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 30 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà L vẫn không có thiện chí trả nợ. Bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngày 01/05/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà L có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà L vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại hợp đồng đã ký. Tại phiên toà Ngân hàng yêu cầu Toà án buộc bà Lê Thị Thùy L trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 11/01/2023 là 75.644.777 đồng, trong đó: dư nợ: 56.756.329 đồng; lãi quá hạn: 18.888.448 đồng. Bà Lê Thị Thùy L có trách nhiệm thanh toán lãi phát sinh từ ngày 12/01/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

- Bị đơn bà Lê Thị Thùy L đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bà vẫn vắng mặt, không có ý kiến phản hồi.

-Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã tuân theo đúng pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ

thẩm vụ án. Thư ký đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại khoản 5 Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến thời điểm mở phiên tòa, người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử và tại các phiên toà là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc không chấp hành quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà Lê Thị Thùy L phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 11/01/2023 là 75.644.777 đồng, trong đó: dư nợ: 56.756.329 đồng; lãi quá hạn: 18.888.448 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc *"Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán"* là tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Bà Lê Thị Thuỳ L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử vắng bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 29/12/2017, lịch sử thanh toán, lời khai của đại diện nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì đủ cơ sở xác định bà Lê Thị Thùy L có mở thẻ tín dụng tại Ngân hàng TMCP S, bà L đã thực hiện giao dịch với số tổng tiền 163.815.792 đồng để sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất áp dụng 2,15%/tháng, kể từ ngày 15/9/2019 lãi suất 2,6%/tháng. Từ khi mở thẻ cho đến nay, bà Lê Thị Thùy L đã thanh toán được cho Ngân hàng tổng số tiền 170.371.000 đồng. Bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 01/05/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

[2.2]. Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ nêu trên, thấy rằng việc ký kết hợp đồng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên được điều chỉnh theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt.

[2.3]. Bà Lê Thị Thùy L đã thực hiện giao dịch rút tiền trong thẻ tín dụng tuy nhiên lại không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn là đã vi phạm Điều 2 và Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S, do đó Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà Lê Thị Thuỳ L và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn là có cơ sở theo quy định tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Tại phiên toà, Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị Thuỳ L phải thanh toán toàn bộ số tiền là 75.644.777 đồng, trong đó: dư nợ: 56.756.329 đồng; lãi quá hạn tính đến ngày 11/01/2023: 18.888.448 đồng, bà L có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 12/01/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S có căn cứ theo quy định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 7, Điều 8, Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí tranh chấp dân sự có giá ngạch trên số tiền phải trả là 75.644.777 đồng x 5% = 3.782.000 đồng, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

[5]. Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng;

- Điều 280 Bộ luật Dân sự;

- Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện *"Tranh chấp về hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán"* của Ngân hàng TMCP S đối với bà Lê Thị Thuỳ L

1. Buộc bà Lê Thị Thùy L phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 75.644.777 đồng (Bảy mươi lăm triệu, sáu trăm bốn mươi bốn nghìn, bảy trăm bảy mươi đồng). Trong đó:

Dư nợ gốc: 56.756.329 đồng;

Nợ lãi phát sinh tính đến ngày 11/01/2023: 18.888.448 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 29/12/2017. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Thuỳ L phải chịu 3.782.0000 đồng (Ba triệu, bảy trăm tám mươi hai nghìn đồng)

Ngân hàng TMCP S không chịu án phí, hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 1.554.000 đồng (Một triệu, năm trăm năm mươi bốn nghìn đồng) Ngân hàng TMCP S đã nộp theo biên lai thu số: 0006422 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận Sơn Trà;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Hằng